

Bản án số: 07/2025/HS-ST

Ngày: 22-01-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Lê Thị Ái Xuân

2/ Bà Lê Thị Trúc Linh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Hoàng Minh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Trúc Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 80/2024/TLST-HS ngày 25 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 01 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1969, tại: huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: ấp M, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Làm vườn; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H (Chết) và bà Nguyễn Thị H; anh chị em ruột có tất cả 03 người (kể cả bị cáo); có chồng: Trần Văn Q, sinh năm 1962; con: có 02 người tên Trần Thị Mộng N và Trần Duy K; tiền sự, tiền án: Không. Bị cáo bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Ôn áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/9/2024 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Trà Ôn, được Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn ra Quyết định hủy bỏ biện pháp tạm giam vào ngày 06/12/2024. Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

2. Bùi Thị Đ, sinh năm 1966, tại: huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: ấp M, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Làm vườn; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi

Văn N1 và bà Nguyễn Thị C; anh chị em ruột có tất cả 04 người (kể cả bị cáo); có chồng: Lê Văn V, sinh năm 1962; con: có 02 người tên Lê Văn V1 và Lê Thị Ngọc S; tiền sự, tiền án: Không. Bị cáo bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Ôn áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/9/2024 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Trà Ôn, được Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn ra Quyết định hủy bỏ biện pháp tạm giam vào ngày 06/12/2024. Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

3. Lê Thị B, sinh năm 1961, tại: huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: ấp A, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Làm vườn; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn S (Chết) và bà Lâm Thị T (Chết); có chồng: Nguyễn Văn T, sinh năm 1957; con: có 03 người tên Nguyễn Thị Bé Th, Nguyễn Thị Thảo L và Nguyễn Thị Phương T; tiền sự, tiền án: Không. Bị cáo bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Ôn áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/11/2024 đến ngày 18/01/2025 tại xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

4. Lê Thị Tr, sinh năm 1979, tại: huyện K, tỉnh Sóc Trăng; nơi cư trú: ấp A, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Làm vườn; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hoàng Th và bà Lê Thị H (Chết); có chồng: Nguyễn Văn N, sinh năm 1976; con: có 02 người tên Nguyễn Như Y và Nguyễn Gia T; tiền sự, tiền án: Không. Bị cáo bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Ôn áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/11/2024 đến ngày 18/01/2025 tại xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Tươi và Điệp:

1. Anh **Nguyễn Minh Th1** - Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH MTV Trung An. Địa chỉ: đường Hoàng Quốc V, khu vực 4, phường A, quận N, Thành phố Cần Thơ (Có mặt).

2. Anh **Hồ Hiếu Th2** - Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH MTV Trung An. Địa chỉ: đường Hoàng Quốc V, khu vực 4, phường A, quận N, Thành phố Cần Thơ (Có mặt).

- Bị hại:

1. Anh **Thạch Qui S**, sinh năm 1995 (Có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Thạch Qui Sa là: Anh **Lê Văn Nh** – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

2. Anh **Lê Bá L**, sinh năm 1990 (Có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp V xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

3. Anh **Đỗ Tiến Đ1**, sinh năm 2002 (Có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh **Thạch Sô H**, sinh năm 1978 (Có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp S, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

2. Anh **Cao Quốc V**, sinh năm 1995 (Có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

3. Anh **Trần Thanh Q**, sinh năm 1994 (Có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

4. Anh **Lê Cao Thành N**, sinh năm 2000 (Có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

5. Anh **Võ Chí H**, sinh năm 2000 (Có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

6. Anh **Nguyễn Văn Th3**, sinh năm 1982 (Có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp Đ, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

7. Anh **Mai Hồng Th4**, sinh năm 1984 (Có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: khóm G, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

8. Anh **Huỳnh Trọng Ng**, sinh năm 1997 (Có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp X, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

9. Anh **Nguyễn Tấn Đ2**, sinh năm 1984 (Có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: số 8/78, khu 5, thị trấn Trà Ôn, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

10. Anh **Nguyễn Chí Th5**, sinh năm 1996 (Có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

11. Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1951 (Có mặt).

Nơi cư trú: ấp M, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

12. Chị **Nguyễn Thị Kim L**, sinh năm 1975 (Có mặt).

Nơi cư trú: ấp M, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- Người làm chứng:

1. Anh **Nguyễn Văn Bé S**, sinh năm 1981 (Có đơn xin vắng mặt).

2. Anh **Nguyễn Trung K**, sinh năm 1983 (Có đơn xin vắng mặt).
3. Anh **Trần Quang D**, sinh năm 1984 (Có đơn xin vắng mặt).
4. Anh **Nguyễn Quốc D1**, sinh năm 1993 (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về xây dựng các công trình giao thông trọng điểm có ý nghĩa quan trọng, tạo động lực lớn cho phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh, quốc phòng của đất nước, của vùng. Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long có Quyết định số 161/QĐ-UBND ngày 26/01/2024 và Bản xác nhận số 03/XN-UBND ngày 07/02/2024 cấp phép cho Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Kỹ thuật VNCN E&C được khai thác cát lòng sông khu vực xã Lục Sĩ Thành – Tích Thiện, huyện Trà Ôn (thời gian khai thác 24 tháng kể từ ngày ký Bản xác nhận) nhưng một bộ phận người dân không đồng tình cho rằng việc khai thác sẽ gây sạt lở. Mặc dù các Đoàn của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long, Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn, Ủy ban nhân dân xã Lục Sĩ Thành, đoàn thể, tổ chức nhiều cuộc họp, tuyên truyền, vận động đến người dân sống khu vực về chủ trương của Đảng và nhà nước ta khai thác cát sông trên địa bàn huyện Trà Ôn là phục vụ cho dự án thành phần Cần Thơ - Cà Mau thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025, việc khai thác cát hàng ngày là 1.250 m³ cát (theo dõi hiện trạng theo các cọc được cắm gần khu vực mỏ cát được phép) nhưng một bộ phận người dân nhiều lần ra khu vực xả lan khai thác cát ngăn cản không cho hoạt động, từ đó không đủ số lượng cát phục vụ cho công trình cao tốc Cần Thơ - Cà Mau, kể từ ngày được cấp phép đến ngày 09/9/2024 là thiếu 16.193 m³ cát và hành vi này cũng đã gây mất an ninh trật tự, an toàn giao thông đường thủy trong khu vực.

Thực hiện Công văn số 628 ngày 06/9/2024 của Công an tỉnh Vĩnh Long về việc triển khai lực lượng tham gia bảo đảm an ninh trật tự hoạt động khai thác cát sông phục vụ dự án thành phần đoạn cao tốc Cần Thơ - Cà Mau, Kế hoạch số 76 ngày 26/8/2024 của Trưởng Công an huyện Trà Ôn về việc tiếp tục đảm bảo an ninh trật tự tại các khu vực triển khai các dự án khai thác cát sông trên địa bàn huyện Trà Ôn và Kế hoạch số 01 ngày 08/9/2024 của Tổ ứng phó và xử lý tình huống (được thành lập theo Kế hoạch số 76) về việc đảm bảo an ninh trật tự khu vực phương tiện hoạt động khai thác cát tại mỏ cát thuộc xã Lục Sĩ Thành - Tích Thiện - Thiện Mỹ - thị trấn Trà

Ôn. Ngày 09/9/2024, lực lượng Công an huyện Trà Ôn triển khai lực lượng đảm bảo an ninh trật tự tại khu vực khai thác cát của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng & Kỹ thuật VNCN E&C (Công ty VNCN E&C) tại mỏ cát VT2 thuộc xã Lục Sĩ Thành - Tích Thiện, phục vụ Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025. Tổ công tác gồm 12 người chia làm 02 nhóm đi trên 02 phương tiện cụ thể như sau:

- Tổ thứ nhất đi trên ghe tải (vỏ tàu) gồm: Đồng chí Mai Hồng Th4 làm tổ phó – chỉ huy chính và điều khiển phương tiện chở Lê Bá L, Thạch Qui S, Nguyễn Chí Th5 (cán bộ Công an xã Thiện Mỹ) và 03 đồng chí ở Phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và cứu hộ, cứu nạn Công an tỉnh Vĩnh Long, Nguyễn Văn Th3 (cán bộ); Lê Cao Thành N và Đỗ Tiến Đ1 (chiến sĩ nghĩa vụ).

- Tổ thứ hai đi trên cano gồm: đồng chí Huỳnh Trọng Ng (cán bộ đội Cảnh sát giao thông – trật tự) là người điều khiển chở Trần Thanh Q – cán bộ đội Kỹ thuật hình sự (ghi hình), Nguyễn Tấn Đ2 (cán bộ Công an thị trấn Trà Ôn), Cao Quốc V (cán bộ đội Cảnh sát giao thông – trật tự), Thạch Sô H (Trưởng Công an xã Lục Sĩ Thành), Võ Chí H (chiến sĩ nghĩa vụ thuộc Phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và cứu hộ, cứu nạn Công an tỉnh Vĩnh Long).

Khoảng 07 giờ cùng ngày 09/9/2024, nhận được tin có 04 đối tượng gồm Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1969; Bùi Thị Đ, sinh năm 1966 cùng ngụ ấp M, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; Lê Thị Tr, sinh năm 1979 và Lê Thị B, sinh năm 1961 cùng ngụ ấp A, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long đi trên cùng ghe gỗ từ bờ thuộc ấp A, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long đến khu vực xáng cạp đang khai thác cát nên Tổ ứng phó và xử lý tình huống do đồng chí Mai Hồng Th4 chỉ huy đã triển khai lực lượng đến vận động người dân vào bờ, khi đến nơi, các đối tượng này cột dây ghe gỗ vào xáng cạp đang khai thác cát tại thủy phận ấp Tích Khánh, xã Tích Thiện, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long của Công ty VNCN E&C, lúc này để đảm bảo an toàn, Trần Quang D1, sinh năm 1984 (là người điều khiển xáng cạp) ngụ ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang phải dừng hoạt động khai thác cát. Tổ ứng phó và xử lý tình huống tuyên truyền vận động T, Đ, Tr và B nhanh chóng di chuyển ghe vào bờ để Công ty VNCN E&C hoạt động nhưng T, Đ, T và B không chấp hành, tổ công tác tiếp tục vận động khoảng 30 phút, nhưng các đối tượng vẫn không chấp hành và có hành vi dùng điện thoại quay phim và la ó lớn tiếng cho rằng lực lượng chức năng đang hà hiếp người dân.

Do tuyên truyền, vận động nhưng các đối tượng vẫn không chịu di dời phương tiện ghe vào bờ nên đồng chí Thạch Sô H gỡ dây ghe gỗ (đang buộc vào xáng cặp) thì Lê Thị B có hành vi kéo dây lại và tiếp tục cột vào xà lan, khi đồng chí Lê Bá L tiếp tục mở dây ghe ra thì B tiếp tục giật dây lại không cho mở; Bùi Thị Đ thì dùng cây dầm bằng gỗ (dùng bơi ghe) đánh trúng vào cẳng tay trái đồng chí L 02 cái (không gây tỷ lệ thương tích). Khi đồng chí L bước xuống ghe để tiếp tục mở dây ghe thì bị Nguyễn Thị Hồng T dùng 01 (một) đoạn gỗ dài khoảng 01 mét do Tr đưa đánh trúng vào 1/3 cẳng tay trái 02 đến 03 cái gây thương tích cho đồng chí L, T dùng một miếng ván gỗ đánh nhiều cái vào lưng đồng chí L, sau đó T mở nắp bình thủy đang đựng nước nóng (để gần chỗ T đứng) tạt ngang cho nước nóng bắn vào Tổ ứng phó làm trúng vào mu bàn chân trái của đồng chí Đỗ Tiến Đ1 và mặt trước 1/3 trên cánh tay của đồng chí Thạch Qui S gây thương tích (bỏng). Lúc này, đồng chí Qui S chụp, cầm tay không chế T, thấy vậy Tr dùng tay phải nắm, giật tay đồng chí Qui S, cùng lúc này, Tổ ứng phó tiếp tục không chế Đ thì B dùng tay nắm, giật tay đồng chí Qui S, đồng thời Tr cũng có hành vi dùng tay đánh và kéo tay đồng chí Nguyễn Chí Th5 nhằm không cho không chế Đ. Trong quá trình chống đối, Đ dùng điện thoại vừa quay vừa lớn tiếng chửi, la làng công an hà hiếp dân. Nhận thấy các đối tượng T, Đ, Tr và B có hành vi cản trở, chống đối nên Tổ ứng phó đã kiên quyết không chế, đưa người và phương tiện, tang vật về trụ sở Ủy ban nhân dân xã Lục Sĩ Thành để làm việc.

Căn cứ Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 227 ngày 16/9/2024 của Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế Vĩnh Long, kết luận: tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra đối với Lê Bá L như sau:

1. Các kết quả chính: Chấn thương phần mềm do vật tày gây ra. Hiện tại bầm đau mặt ngoài 1/3 dưới cẳng tay trái kích thước 2x2,5 cm. Tỷ lệ: 01%.

2. Kết luận:

- Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Lê Bá L tại thời điểm giám định là: 01% (Một phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

- Thương tích do vật tày gây ra.

Căn cứ Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 228 ngày 16/9/2024 của Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế Vĩnh Long, kết luận: tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra đối với Đỗ Tiến Đ1 như sau:

1. Các kết quả chính: Biên đổi sắc tố mu bàn chân trái kích thước 6x5 cm. Tỷ lệ: 01%.

2. Kết luận:

- Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Đỗ Tiến Đ1 tại thời điểm giám định là: 01% (Một phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

- Vật gây thương tích khả năng là nước sôi.

Căn cứ Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 229 ngày 16/9/2024 của Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế Vĩnh Long, kết luận: tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra đối với Thạch Qui S như sau:

1. Các kết quả chính: Bỏng độ I-II vị trí mặt trước 1/3 trên cánh tay phải kích thước 8x4,5 cm. Tỷ lệ: 02%.

2. Kết luận:

- Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Thạch Qui S tại thời điểm giám định là: 02% (Hai phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

- Vật gây thương tích khả năng là nước sôi.

Ngày 10/10/2024 và 25/10/2024, các bị hại là Thạch Qui S, Đỗ Tiến Đ1 và Lê Bá L đã làm đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với hành vi của Nguyễn Thị Hồng T về hành vi cố ý gây thương tích.

Ngày 17/9/2024 và ngày 26/11/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Ôn ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Thị Hồng T, Bùi Thị Đ, Lê Thị Tr và Lê Thị B, đồng thời áp dụng biện pháp bắt tạm giam đối với Nguyễn Thị Hồng T, Bùi Thị Đ về tội “Chống người thi hành công vụ” theo quy định tại khoản 1 Điều 330 Bộ luật Hình sự. Ngày 25/11/2024, ra quyết định bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định bổ sung quyết định khởi tố bị can về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự đối với Nguyễn Thị Hồng T.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật, xử lý vật chứng:

- 01 (một) ghe gỗ có kích thước: chiều dài 6,15 mét, chiều rộng: 1,23 mét, chiều cao 0,44 mét (đã qua sử dụng).

- 01 (một) động cơ đẩy thuyền có dòng chữ ELECTRONIC IGNITION HP 5.5 GS160 GASOLINE ENGINE (đã qua sử dụng).

- 02 (hai) dao bằng kim loại: 01 (một) dao kim loại cán nhựa dài 0,28m, phần cán nhựa có kích thước (0,13mx0,03m), phần lưỡi kim loại có kích thước (0,15mx0,045m), trọng lượng 0,1kg và 01 (một) dao kim loại dài 0,46m, cán gỗ xung quanh được cố định bằng keo màu đen có kích thước (0,14mx0,03m), phần lưỡi bằng kim loại có kích thước (0,32mx0,065m), trọng lượng 0,4kg.

- 05 (năm) chai thủy tinh rỗng;

- 02 (hai) đoạn gỗ: 01 (một) cây dầm bằng gỗ dài 1,35m, rộng 0,09m, có trọng lượng 0,7kg và 01 (một) miếng ván bằng gỗ dài 0,45m, rộng 0,11m, có trọng lượng 0,42kg);

- 01 (một) bình thủy, bên trong không có nước.

- 01 (một) túi nylon màu đen, bên trong gồm có: 02 (hai) áo mưa, 02 (hai) cây dù, 01 (một) cái nón.

- 02 (hai) thùng nhựa; 01 (một) tấm nylon; 01 (một) can nhựa màu xanh; 02 (hai) gói mì ba miền.

- 01 (một) ca nhựa màu đỏ; 05 (năm) cái tô bằng kim loại.

- 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu xanh, có dòng chữ SAMSUNG của Bùi Thị Diệp.

Hiện các vật chứng trên do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long đang quản lý.

Vật chứng không tạm giữ được: 01 (một) đoạn gỗ dài khoảng 01 mét do bị cáo Tr đưa, bị cáo T đã dùng đánh cho bị cáo T đánh đồng chí Lộc, các bị cáo khai đặc điểm rắn chắc, dài khoảng 01 mét, nặng khoảng 700 gam đến 800 gam do quá trình xảy ra sự việc tổ công tác khống chế, giật lấy cây dầm của bị cáo T nên rơi mất xuống sông.

Cơ quan điều tra thu thập 03 (ba) đĩa DVD ghi lại hành vi của Nguyễn Thị Hồng T, Bùi Thị Đ, Lê Thị Tr và Lê Thị B vào ngày 09/9/2024, được lưu vào hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự:

- Các bị hại là Thạch Qui S, Đỗ Tiến Đ1 và Lê Bá L không yêu cầu bị cáo Tươi bồi thường gì về dân sự.

- Ông Nguyễn Văn H không có yêu cầu bồi thường gì đối với ghe.

Tại bản cáo trạng số: 05/CT-VKSTÔ ngày 17/12/2024 của Viện kiểm sát nhân

dân huyện Trà Ôn đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Hồng T về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự và tội “*Chống người thi hành công vụ*” theo quy định tại khoản 1 Điều 330 của Bộ luật Hình sự. Truy tố các bị cáo Bùi Thị Đ, Lê Thị B và Lê Thị Tr về tội “*Chống người thi hành công vụ*” theo quy định tại khoản 1 Điều 330 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Nguyễn Thị Hồng T, Bùi Thị Đ, Lê Thị B và Lê Thị Tr thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn truy tố các bị cáo là đúng hành vi của các bị cáo, không oan, các bị cáo khai nhận: Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 09/9/2024, tại thủy phận ấp Tích Khánh, xã Tích Thiện, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, các bị cáo Nguyễn Thị Hồng T, Bùi Thị Đ, Lê Thị Tr và Lê Thị B đã có hành vi chống đối, cản trở, không chấp hành yêu cầu của lực lượng công an thuộc Tổ ứng phó và xử lý tình huống của Công an huyện Trà Ôn đang thực hiện nhiệm vụ đảm bảo an ninh trật tự. Trong lúc chống đối, Nguyễn Thị Hồng T đã gây thương tích cho ba đồng chí trong Tổ ứng phó, cụ thể: T dùng 01 (một) đoạn gỗ dài khoảng 01 mét đánh trúng vào 1/3 cẳng tay trái khoảng 02 đến 03 cái gây thương tích cho đồng chí Lê Bá L 01%, dùng nước sôi chứa trong bình thủy tạt trúng gây thương tích cho đồng chí Đỗ Tiến Đ 01% và đồng chí Thạch Qui S 02%; bị cáo Đ có hành vi kéo dây, đánh vào lực lượng đang làm nhiệm vụ; bị cáo B kéo dây lại, không cho lực lượng mở dây buộc ghe, rồi tiếp tục cột vào xà lan, trong lúc tổ công tác khống chế bị cáo Đ thì bị cáo Bẫy có hành vi dùng tay nắm, giật tay ngăn cản; bị cáo Tr đưa cây cho bị cáo T, trong lúc tổ công tác khống chế bị cáo T và Đ thì bị cáo Tr cũng có hành vi dùng tay phải nắm, giật tay, đánh và kéo tay các đồng chí tổ ứng phó ngăn cản việc khống chế. Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật, các bị cáo rất ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Văn H trình bày: Ông là người ở cùng xóm với các bị cáo, ghe gỗ và máy các bị cáo dùng vào việc phạm tội là do ông và các bị cáo T, Đ, B hùn lại mua với giá là 3.000.000 đồng (trong đó ông hùn với số tiền 700.000 đồng). Mục đích mua ghe là để vận chuyển mua bán trái cây và ngăn cản khai thác cát, việc các bị cáo sử dụng ghe dùng vào việc phạm tội ông không hay biết gì, nay bản thân ông yêu cầu được nhận ghe còn chấp nhận hay không là do Hội đồng xét xử quyết định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Nguyễn Thị Kim L trình bày: Chị là người ở cùng xóm với các bị cáo và là con của ông H, chiếc ghe các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội không có liên quan gì đến chị và trong vụ án chị không có yêu cầu gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn trình bày luận tội vẫn giữ quan điểm truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Hồng T, Bùi Thị Đ, Lê Thị B, Lê Thị Tr theo tội danh và Điều luật đã nêu trong cáo trạng. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Hồng T phạm tội “*Cố ý gây thương tích*” và “*Chống người thi hành công vụ*”; các bị cáo Bùi Thị Đ, Lê Thị B và Lê Thị Tr phạm tội “*Chống người thi hành công vụ*”. Cụ thể:

1. Áp dụng điểm a, k khoản 1 Điều 134, khoản 1 Điều 330; Điều 17; điểm i, s, x khoản 1 Điều 51, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng T từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng về tội “*Cố ý gây thương tích*” và từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm về tội “*Chống người thi hành công vụ*”. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội từ 01 (một) năm 03 (ba) tháng đến 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 330, Điều 17; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Thị Đ từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 330, Điều 17; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Thị B từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 330, Điều 17; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Thị Tr từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng.

Về trách nhiệm dân sự:

- Do các bị hại là anh Thạch Qui S, anh Đỗ Tiến Đ1 và anh Lê Bá L không yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị Hồng T bồi thường gì nên đề nghị Hội đồng xét xử đặt

ra xem xét.

- Ông Nguyễn Văn H yêu cầu nhận lại chiếc ghe tuy nhiên do đây là phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên:

Tịch thu hóa giá sung quỹ nhà nước 01 (một) ghe gỗ có kích thước chiều dài 6,15 mét, chiều rộng 1,23 mét, chiều cao 0,44 mét (đã qua sử dụng); 01 (một) động cơ đẩy thuyền có dòng chữ ELECTRONIC IGNITION HP 5.5 GS160 GASOLINE ENGINE (đã qua sử dụng) do đây là phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội.

Tịch thu tiêu hủy 02 (hai) dao bằng kim loại: 01 (một) dao kim loại cán nhựa dài 0,28m, phần cán nhựa có kích thước (0,13mx0,03m), phần lưỡi kim loại có kích thước (0,15mx0,045m), trọng lượng 0,1kg và 01 (một) dao kim loại dài 0,46m, cán gỗ xung quanh được cố định bằng keo màu đen có kích thước (0,14mx0,03m), phần lưỡi bằng kim loại có kích thước (0,32mx0,065m), trọng lượng 0,4kg; 05 (năm) chai thủy tinh rỗng; 02 (hai) đoạn gỗ: 01 (một) cây dầm bằng gỗ dài 1,35m, rộng 0,09m, có trọng lượng 0,7kg và 01 (một) miếng ván bằng gỗ dài 0,45m, rộng 0,11m, có trọng lượng 0,42kg; 01 (một) bình thủy, bên trong không có nước; 01 (một) túi nylon màu đen, bên trong gồm có: 02 (hai) áo mưa, 02 (hai) cây dù, 01 (một) cái nón; 02 (hai) thùng nhựa; 01 (một) tấm nylon; 01 (một) can nhựa màu xanh; 02 (hai) gói mì ba miền; 01 (một) ca nhựa màu đỏ; 05 (năm) cái tô bằng kim loại do không còn giá trị sử dụng.

Trả lại cho bị cáo Bùi Thị Đ 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu xanh, có dòng chữ SAMSUNG do đây là tài sản cá nhân của bị cáo Điện, nhưng tiếp tục giao cho cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long quản lý đảm bảo cho việc thi hành án.

Hiện các tang tài, vật trên do cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 19/12/2024 và ngày 23/12/2024.

Tịch thu 03 (ba) đĩa DVD ghi lại hành vi của các bị cáo Nguyễn Thị Hồng T, Bùi Thị Đ, Lê Thị B và Lê Thị Tr vào ngày 09/9/2024 do Cơ quan Cảnh sát điều tra thu thập được lưu hồ sơ vụ án.

Đối với 01 (một) đoạn gỗ dài khoảng 01 mét do bị cáo Tr đưa bị cáo T đánh đồng chí L, các bị cáo khai đặc điểm rắn chắc, dài khoảng 01 mét, nặng 700 gam

đến 800 gam do quá trình xảy ra sự việc tổ công tác không chế, giật lấy cây dầm của bị cáo T rơi mất xuống sông không thu giữ được nên không đặt ra xử lý là có cơ sở.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc các bị cáo Bùi Thị Đ và Lê Thị Tr mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Thị Hồng T do bị cáo thuộc diện thân nhân liệt sĩ được Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ và bị cáo Lê Thị B do bị cáo thuộc diện người cao tuổi.

Người bào chữa cho bị các bị cáo Nguyễn Thị Hồng T và Bùi Thị Đ là Luật sư Nguyễn Minh Th1 và Hồ Hiếu Th2 trình bày: Thống nhất với tội danh, khung hình phạt cũng như cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố và ý kiến luận tội của vị Kiểm sát viên. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo, khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo T và Đ có trình độ học vấn thấp, phạm tội trong tình lạc hậu nên việc nhận thức, am hiểu pháp luật còn nhiều hạn chế. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s, x, m khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo T và các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s, m khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo Đ; trong thời gian bị tạm giam các bị cáo đã nhận thấy được hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật, các bị cáo đã rất ăn năn hối cải; các bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng và đủ điều kiện được hưởng các tình tiết được áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử cho các bị cáo được hưởng treo.

Các bị cáo Nguyễn Thị Hồng T và Bùi Thị Đ trình bày: Thống nhất theo lời bào chữa của Luật sư Nguyễn Minh Th1 và Hồ Hiếu Th2, ngoài ra các bị cáo còn trình bày thêm là trong quá trình bị tạm giam các bị cáo đã thấy được hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật, các bị cáo đã rất ăn năn hối cải nên xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Các bị cáo Lê Thị B và Lê Thị Tr trình bày: Thống nhất theo cáo trạng và lời luận tội của vị Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, các bị cáo đã biết hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật, các bị cáo đã rất ăn năn hối cải nên xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Thạch Qui S, Trợ giúp viên

pháp lý Lê Văn N trình bày: Thống nhất theo cáo trạng truy tố và lời luận tội của vị Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trà Ôn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ xác định có tội: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, biên bản sự việc cùng các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, qua đó xác định: Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 09/9/2024, tại thủy phận ấp Tích Khánh, xã Tích Thiện, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, các bị cáo Nguyễn Thị Hồng T, Bùi Thị Đ, Lê Thị Tr và Lê Thị B đã có hành vi chống đối, cản trở, không chấp hành yêu cầu của lực lượng công an thuộc Tổ ứng phó và xử lý tình huống của Công an huyện Trà Ôn đang thực hiện nhiệm vụ đảm bảo an ninh trật tự. Trong lúc chống đối, Nguyễn Thị Hồng T đã gây thương tích cho ba đồng chí trong Tổ ứng phó, cụ thể: Tươi dùng 01 (một) đoạn gỗ dài khoảng 01 mét đánh trúng vào 1/3 cẳng tay trái khoảng 02 đến 03 cái gây thương tích cho đồng chí Lê Bá L 01%, dùng nước sôi chứa trong bình thủy tạt trúng gây thương tích cho đồng chí Đỗ Tiến Đ1 01% và đồng chí Thạch Qui S 02%; bị cáo Đ có hành vi kéo dây, đánh vào lực lượng đang làm nhiệm vụ; bị cáo B kéo dây lại, không cho lực lượng mở dây buộc ghe, rồi tiếp tục cột vào xà lan, trong lúc tổ công tác khống chế bị cáo Đ thì bị cáo B có hành vi dùng tay nắm, giật tay ngăn cản; bị cáo Tr đưa cây cho bị cáo T, trong lúc tổ công tác khống chế bị cáo T và Đ thì bị cáo Tr cũng có hành vi dùng tay phải nắm, giật tay, đánh và kéo tay các đồng chí tổ ứng phó ngăn cản việc khống chế.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Hồng T đã có đủ căn cứ xác định bị cáo phạm

tội “*Cố ý gây thương tích*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a, k khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự và phạm tội “*Chống người thi hành công vụ*” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 330 của Bộ luật Hình sự. Đối với hành vi của các bị cáo Bùi Thị Đ, Lê Thị B, Lê Thị Tr đã có đủ căn cứ xác định các bị cáo phạm tội “*Chống người thi hành công vụ*” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 330 của Bộ luật Hình sự. Như vậy, cáo trạng số 05/CT-VKSTÔ ngày 17/12/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn truy tố các bị cáo và lời đề nghị của vị Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai cho các bị cáo.

[3] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Thị Hồng T, Bùi Thị Đ, Lê Thị B và Lê Thị Tr là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính nhà nước, xâm phạm đến hoạt động bình thường, đúng đắn của cơ quan nhà nước, làm mất trật tự an tại địa phương, gây tâm lý hoang mang và dự luận xấu trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, các bị cáo nhận thức được hành vi chống người thi hành công vụ là vi phạm pháp luật, bị pháp luật trừng trị nhưng các bị cáo vẫn cố tình thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, cho thấy các bị cáo có thái độ xem thường sự trừng trị của pháp luật nên cần phải được xử lý nghiêm tương xứng với hành vi của từng bị cáo.

Ngoài ra trong lúc chống đối các tổ công tác đang làm nhiệm vụ, bị cáo Nguyễn Thị Hồng T đã có hành vi dùng 01 đoạn gỗ khoảng 01 mét đánh gây thương tích cho đồng chí Lê Bá L 01% và dùng nước sôi gây thương tích cho đồng chí Đỗ Tiến Đ1 01%, đồng chí Thạch Qui S 02% các đồng chí L, Đ1 và S đang thi hành công cụ được lãnh đạo phân công. Hành vi của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác một cách trái pháp luật, gây ảnh hưởng xấu về an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Khi thực hiện hành vi dùng đoạn gỗ và nước sôi gây thương tích cho đồng chí L, Đ1 và S bị cáo biết đây là hành vi vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, cho thấy hành vi của bị cáo là xem thường sức khỏe của người khác, xem thường sự trừng phạt của pháp luật nên cần phải xử lý nghiêm nhằm răn đe giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong xã hội.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công cụ thể từ trước, trong đó bị cáo T là người có hành vi chống đối quyết liệt nhất, dùng cây đánh và nước sôi tạc vào lực lượng làm nhiệm

vụ nên giữ vai trò chính trong vụ án, vì vậy hình phạt dành cho bị cáo nặng hơn so với các bị cáo còn lại. Bị cáo Đ là người có hành vi kéo dây, đánh vào lực lượng làm nhiệm vụ nhưng không có gây thương tích nên có vai trò thấp hơn bị cáo T; bị cáo B có hành vi kéo dây lại, không cho lực lượng mở dây, thấy tổ công tác khống chế bị cáo Đ thì nắm giật ngăn cản lại và bị cáo Tr ngoài việc đưa cây cho bị cáo T thì còn nắm, giật tay, đánh, kéo tay các đồng chí tổ ứng phó nhằm ngăn cản tổ ứng phó thực hiện nhiệm vụ không cho tổ công tác khống chế bị cáo T và Đ nên hình phạt dành cho các bị cáo nhẹ hơn bị cáo T nhưng cần phải xử lý tương xứng với hành vi của các bị cáo đã gây ra.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Không.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Xét thấy nhân dân các bị cáo tốt chưa có tiền án, tiền sự; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Thị Hồng T còn có cha ruột là ông Nguyễn Văn Huân là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng bằng Tổ quốc ghi công và Huân chương kháng chiến hạng ba nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét các bị cáo Nguyễn Thị Hồng T, Bùi Thị Đ, Lê Thị B và Lê Thị Tr được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ nêu trên. Trong thời gian bị tạm giam các bị cáo T và Đ đã nhận thức được hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật nên rất ăn năn hối cải, các bị cáo không thuộc thành phần nguy hiểm cho xã hội. Ngoài ra các bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng và đủ điều kiện được hưởng các tình tiết được quy định tại Nghị quyết số 02/VBHN-TANDTC ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử cho các bị cáo được hưởng treo thấy cũng đủ điều kiện để giáo dục các bị cáo thành người hữu dụng sau này và cho thấy chính sách khoan hồng của pháp luật đối với các bị cáo.

[6] Xét lời đề nghị của vị Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[7] Xét lời đề nghị của Luật sư bào chữa cho các bị cáo T và Đ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Xét lời đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại anh

Thạch Qui Sa là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về trách nhiệm dân sự:

[9.1] Do các bị hại anh Thạch Qui S, anh Đỗ Tiến Đ1 và anh Lê Bá L không có yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị Hồng T bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9.2] Xét yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Văn H yêu cầu được nhận lại chiếc ghe gỗ là không có căn cứ để chấp nhận vì đây phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu hóa giá sung quỹ nhà nước.

[10] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự:

Tịch thu hóa giá sung quỹ nhà nước 01 (một) ghe gỗ có kích thước chiều dài 6,15 mét, chiều rộng 1,23 mét, chiều cao 0,44 mét (đã qua sử dụng); 01 (một) động cơ đẩy thuyền có dòng chữ ELECTRONIC IGNITION HP 5.5 GS160 GASOLINE ENGINE (đã qua sử dụng) do đây là phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội.

Tịch thu tiêu hủy 02 (hai) dao bằng kim loại: 01 (một) dao kim loại cán nhựa dài 0,28m, phần cán nhựa có kích thước (0,13mx0,03m), phần lưỡi kim loại có kích thước (0,15mx0,045m), trọng lượng 0,1kg và 01 (một) dao kim loại dài 0,46m, cán gỗ xung quanh được cố định bằng keo màu đen có kích thước (0,14mx0,03m), phần lưỡi bằng kim loại có kích thước (0,32mx0,065m), trọng lượng 0,4kg; 05 (năm) chai thủy tinh rỗng; 02 (hai) đoạn gỗ: 01 (một) cây dầm bằng gỗ dài 1,35m, rộng 0,09m, có trọng lượng 0,7kg và 01 (một) miếng ván bằng gỗ dài 0,45m, rộng 0,11m, có trọng lượng 0,42kg; 01 (một) bình thủy, bên trong không có nước; 01 (một) túi nylon màu đen, bên trong gồm có: 02 (hai) áo mưa, 02 (hai) cây dù, 01 (một) cái nón; 02 (hai) thùng nhựa; 01 (một) tấm nylon; 01 (một) can nhựa màu xanh; 02 (hai) gói mì ba miền; 01 (một) ca nhựa màu đỏ; 05 (năm) cái tô bằng kim loại do không còn giá trị sử dụng.

Trả lại cho bị cáo Bùi Thị Đ 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu xanh, có dòng chữ SAMSUNG do đây là tài sản cá nhân của bị cáo Điệp, nhưng tiếp tục giao cho cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long quản lý đảm bảo cho việc thi hành án.

Hiện các tang tài, vật trên do cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 19/12/2024 và ngày 23/12/2024.

Tịch thu 03 (ba) đĩa DVD ghi lại hành vi của các bị cáo Nguyễn Thị Hồng T, Bùi Thị Đ, Lê Thị B và Lê Thị Tr vào ngày 09/9/2024 do Cơ quan Cảnh sát điều tra thu thập được lưu hồ sơ vụ án.

Đối với 01 (một) đoạn gỗ dài khoảng 01 mét do bị cáo Tr đưa bị cáo T đánh đồng chí L, các bị cáo khai đặc điểm rắn chắc, dài khoảng 01 mét, nặng 700 gam đến 800 gam do quá trình xảy ra sự việc tổ công tác không chế, giật lấy cây dầm của bị cáo T rơi mất xuống sông không thu giữ được nên không đặt ra xử lý là có cơ sở.

[11] Các vấn đề khác:

Đối với 01 (một) ghe gỗ và 01 (một) động cơ đẩy thuyền có dùng chữ ELECTRONIC IGNITION HP 5.5 GS160 GASOLINE ENGINE (đã qua sử dụng), là tài sản mua chung của Nguyễn Thị Hồng T, Bùi Thị Đ, Lê Thị B và Nguyễn Văn H nhằm mục đích phục vụ việc đi bán trái cây và dùng ngăn cản hoạt động khai thác cát. Việc các bị cáo có hành vi gây thương tích và chống người thi hành công vụ vào ngày 09/9/2024, tại thủy phận ấp Tích Khánh, xã Tích Thiện, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long thì ông H không bàn bạc và không có hỗ trợ gì, vì vậy cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Ôn không xử lý ông H là có căn cứ nên chấp nhận.

[12] Về án phí sơ thẩm:

[12.1] Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc các bị cáo Bùi Thị Đ và Lê Thị Tr mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[12.2] Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Thị Hồng T do bị cáo thuộc diện thân nhân liệt sĩ được Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ và bị cáo Lê Thị B do bị cáo thuộc diện người cao tuổi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Hồng T phạm tội “*Cố ý gây thương tích*” và tội “*Chống người thi hành công vụ*”; các bị cáo Bùi Thị Đ, Lê Thị B và Lê Thị Tr phạm tội “*Chống người thi hành công vụ*”.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm a, k khoản 1 Điều 134, khoản 1 Điều 330; Điều 17, Điều

38; điểm i, s, x khoản 1 Điều 51, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng T **06** (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **01** (một) năm về tội “*Cố ý gây thương tích*” và **09** (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **01** (một) năm **06** (sáu) tháng về tội “*Chống người thi hành công vụ*”.

Tổng hợp hình phạt chung của hai tội là **01** (một) năm **03** (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **02** (hai) năm **06** (sáu) tháng. Thời gian thử thách được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 22/01/2025.

Giao người bị kết án Nguyễn Thị Hồng T cho Ủy ban nhân dân xã Lục Sĩ Thành, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục đối với người bị kết án.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

2.2. Áp dụng khoản 1 Điều 330, Điều 17, Điều 38; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Thị Đ **09** (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **01** (một) năm **06** (sáu) tháng. Thời gian thử thách được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 22/01/2025.

Giao người bị kết án Bùi Thị Đ cho Ủy ban nhân dân xã Lục Sĩ Thành, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục đối với người bị kết án.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

2.3. Áp dụng khoản 1 Điều 330, Điều 17, Điều 38; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thị B **06** (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **01** (một) năm. Thời gian thử thách được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 22/01/2025.

Giao người bị kết án Lê Thị B cho Ủy ban nhân dân xã Lục Sĩ Thành, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục đối với người bị kết án.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

2.4. Áp dụng khoản 1 Điều 330, Điều 17, Điều 38; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Tr **06** (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **01** (một) năm. Thời gian thử thách được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 22/01/2025.

Giao người bị kết án Lê Thị Tr cho Ủy ban nhân dân xã Lục Sĩ Thành, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục đối với người bị kết án.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

3. Về trách nhiệm dân sự: Do các bị hại anh Thạch Qui S, anh Đỗ Tiến Đ1 và anh Lê Bá L không có yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị Hồng T bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự:

Tịch thu hóa giá sung quỹ nhà nước 01 (một) ghe gỗ có kích thước chiều dài 6,15 mét, chiều rộng 1,23 mét, chiều cao 0,44 mét (đã qua sử dụng); 01 (một) động cơ đẩy thuyền có dòng chữ ELECTRONIC IGNITION HP 5.5 GS160 GASOLINE ENGINE (đã qua sử dụng) do đây là phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội.

Tịch thu tiêu hủy 02 (hai) dao bằng kim loại: 01 (một) dao kim loại cán nhựa dài 0,28m, phần cán nhựa có kích thước (0,13mx0,03m), phần lưỡi kim loại có kích thước (0,15mx0,045m), trọng lượng 0,1kg và 01 (một) dao kim loại dài 0,46m, cán gỗ xung quanh được cố định bằng keo màu đen có kích thước (0,14mx0,03m), phần lưỡi bằng kim loại có kích thước (0,32mx0,065m), trọng lượng 0,4kg; 05 (năm) chai thủy tinh rỗng; 02 (hai) đoạn gỗ: 01 (một) cây dầm bằng gỗ dài 1,35m, rộng 0,09m, có trọng lượng 0,7kg và 01 (một) miếng ván bằng gỗ dài 0,45m, rộng 0,11m, có trọng lượng 0,42kg; 01 (một) bình thủy, bên trong không có nước; 01 (một) túi nylon màu đen, bên trong gồm có: 02 (hai) áo mưa, 02 (hai) cây dù, 01 (một) cái nón; 02 (hai) thùng nhựa; 01 (một) tấm nylon; 01 (một) can nhựa màu xanh; 02 (hai) gói mì ba miền; 01 (một) ca nhựa màu đỏ; 05 (năm) cái tô bằng kim loại do không còn giá trị sử dụng.

Trả lại cho bị cáo Bùi Thị Đ 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu xanh, có dòng chữ SAMSUNG do đây là tài sản cá nhân của bị cáo Điệp, nhưng tiếp tục giao cho cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long quản lý đảm bảo cho việc thi hành án.

Hiện các tang tài, vật trên do cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 19/12/2024 và ngày 23/12/2024.

Tịch thu 03 (ba) đĩa DVD ghi lại hành vi của các bị cáo Nguyễn Thị Hồng T, Bùi Thị Đ, Lê Thị B và Lê Thị Tr vào ngày 09/9/2024 do Cơ quan Cảnh sát điều tra thu thập được lưu hồ sơ vụ án.

Đối với 01 (một) đoạn gỗ dài khoảng 01 mét do bị cáo Tr đưa bị cáo T đánh đồng chí Lộc, các bị cáo khai đặc điểm rắn chắc, dài khoảng 01 mét, nặng 700 gam

đến 800 gam do quá trình xảy ra sự việc tổ công tác không chế, giật lấy cây dầm của bị cáo T rơi mất xuống sông không thu giữ được nên không đặt ra xử lý là có cơ sở.

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc các bị cáo Bùi Thị Đ và Lê Thị Tr mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Thị Hồng T do bị cáo thuộc diện thân nhân liệt sĩ được Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ và bị cáo Lê Thị B do bị cáo thuộc diện người cao tuổi.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long (01);
- VKSND tỉnh Vĩnh Long (01);
- Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Long (01);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Vĩnh Long (01);
- VKSND huyện Trà Ôn (01);
- CCTHADS huyện Trà Ôn (01);
- Công an huyện Trà Ôn (02);
- UBND xã Lục Sĩ Thành (01);
- Bị cáo (04);
- Bị hại (03);
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (12);
- Lưu: Hồ sơ vụ án (01).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Ngô Văn Phương